TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **72**/2019/QĐST-HNGĐ	*Trảng Bom, ngày 03 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 242/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982.
- Ông **Võ Bảo Q**, sinh năm 1981.

Cùng trú tại: ấp CD, xã CG, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành, các bên thuận tình ly hôn, thỏa thuận được về nuôi con và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Bảo Q thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Khi ly hôn, bà H và ông Q thỏa thuận để bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là Võ Thị Bích T, sinh ngày 06/7/2002, Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 11/5/2008, Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 17/9/2013 và Võ Bảo M, sinh ngày 22/7/2015. Ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho 01 con kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

[3]. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà H và ông Q thỏa thuận và thống nhất để bà H là người chịu lệ phí Tòa án giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Bảo Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 04 con chung là Võ Thị Bích T, sinh ngày 06/7/2002, Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 11/5/2008, Võ Thị Ngọc Ng, sinh ngày 17/9/2013 và Võ Bảo M, sinh ngày 22/7/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Ông Võ Bảo Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) cho 01 con kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0006522 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã CG (GCNKH số 39 quyển số 01/2006 ngày 18/5/2006);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Bá Đức